TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 95/2021/DS-ST
Ngày 17- 9 -2021.
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNHUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Tám và bà Cấn Thị Thành.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2021/TLST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 146/2021/QĐHPTST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) SGTT; Địa chỉ: số C, đường NK, Phường B, Quận N, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ký: Ông Nguyễn Thanh Hải - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông(Theo văn bản ủy quyền số 3961/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019).

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Nguyễn Thanh Hải: Ông Nguyễn Thanh Hiệp - Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro của Ngân hàng TMCP SGTT - Chi nhánh Đắk Nông, tỉnh Đắk Nông là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 1234/2020/GUQ -CNĐNO ngày 11/5/2020 của Giám đốc Chi nhánh Đắk Nông).

Địa chỉ: Số 33 Huỳnh Thúc Kh, Phường Nghĩa Th, Thành Phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Bị đơn***: + Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974 - vắng mặt lần 2 không lý do.
+ Bà Phạm Thị H, sinh năm 1980 - vắng mặt lần 2 không lý do

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Đắk S, tỉnh Đăk Nông.

- ***Người có quyên lợi nghĩa vụ liên quan***:

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997 – vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1998 - vắng mặt lần 2 không lý do.
Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã N, huyện Đắk S, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thanh Hiệp người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/02/2018 ông Nguyễn Văn Đ và vợ là bà Phạm Thị H (ông Đ và bà H) có vay vốn tại Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông (Ngân hàng), chi tiết như sau: Tổng số tiền vay: 900.000.000 đồng*(Chín tram triệu đồng),* theo hợp đồng tín dụng số: LD 1805800246 ngày 27/02/2018, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng từng lần số: 01/LD1805800246 ngày 27/02/2019 và theo giấy nhận nợ số: 01/LD1905300589 ngày 04/03/2019, ngày trả nợ cuối cùng 04/3/2020, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: Sản xuất nông nghiệp, dư nợ hiện tại: 900.000.000 đồng*(Chín trăm triệu đồng)*, lãi suất 11.5%/năm áp dụng cho ba tháng đầu tiên, lãi suất kể từ tháng thứ 4 trở đi được Sacombank điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ VND(LV12) + (cộng) biên độ 4.6% và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Phương thức trả nợ: Vốn, lãi trả cuối kỳ kể từ ngày nhận tiền vay, cụ thể: Kỳ 1, ngày trả là ngày 04/3/2020 số tiền 900.000.000 đồng.

Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vay số: 1115662 ngày 18/07/2018: Hạn mức cấp thẻ tín dụng 50.000.000 đồng*(Năm mươi triệu đồng)*. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà Phạm Thị H còn dư nợ số tiền hiện tại là 18.473.836 đồng*(Mười tám triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng)*(trong đó tiền gốc là: 15.623.344 đồng*(Mười lăm triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn, ba trăm bốn mươi bốn đồng)*, lãi quá hạn: 2.850.492 đồng*(Hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn, bốn trăm chin mươi hai đồng)*.

Để bảo đảm cho hợp đồng vay trên, bên vay đã thế chấp các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của mình cho Ngân hàng, gồm các tài sản sau đây: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AM653045 vào sổ cấp giấy chứng nhận số GCN: 076486/HB, do UBND huyện Đăk Song, cấp ngày 30/6/2008, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H thửa đất số: 32, 39, tờ bản đồ số: 90; địa chỉ thửa đất: Đồi Kiền Kiền, xã Nâm N'Jang, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông; diện tích: 22.815m^2; mục đích sử dụng: đất nông nghiệp.

Tài sản trên được thực hiện theo Hợp đồng thế chấp số: 91/18/TCDS ngày 02/03/2018, được công chứng tại Văn phòng công chứng Võ Thị Mỹ Ngọc ngày 02/3/2018, đăng ký thế chấp tại văn phòng Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đăk Song theo đúng quy định.

Trong quá trình vay vốn, ông Đ, bà H thường xuyên trễ hẹn với Ngân hàng, không thanh toán gốc lãi đúng hạn cho Ngân hàng. Đến thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng ông Đ, bà H không trả nợ cho Ngân hàng. Qua nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng ông Đ, bà H vẫn không có thiện chí trả nợ, cố tình vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì

vậy, ngày 21/4/2020 Ngân hàng ra thông báo chấm dứt hợp đồng tín dụng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn.

Tính đến hết ngày xét xử 17/9/2021, ông Đ, bà H còn nợ số tiền theo hợp đồng tín dụng LD 1805800246 ngày 27/02/2018 có giấy nhận nợ số: 01/LD1905300589 ngày 04/03/2019 là.

+Tiền gốc còn nợ là 900.000.000 đồng*(Chín trăm triệu đồng)*.

+ Tiền lãi theo hợp đồng là 263.428.767 đồng*(Hai trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi bảy đồng)*.

+ Tiền lãi phạt quá hạn là 79.822.603 đồng*(Bảy mươi chín triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm linh ba đồng)*.

+ Lãi phạt chậm lãi 16.007.349 đồng*(Mười sáu triệu, không trăm không bảy nghìn, ba trăm bốn chin đồng)*.

Tổng cộng là 1.259.258.719 đồng*(Một tỷ hai trăm năm mươi chín triệu hai trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm mười chín đồng)*.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Đ, bà H phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử 17/9/2021 của Hợp đồng tín dụng số LD 1805800246 ngày 27/02/2018 có giấy nhận nợ số: 01/LD1905300589 ngày 04/03/2019 là 1.259.258.719 *(Một tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm mười chin đồng)*,(có bảng lãi kèm theo), trong đó:

Ông Đ, bà H phải trả theo Hợp đồng tín dụng số LD 1805800246 ngày 27/02/2018 có giấy nhận nợ số: 01/LD1905300589 ngày 04/03/2019 tiền gốc là 900.000.000 đồng*(Chín trăm triệu đồng)*; Tiền lãi theo hợp đồng là 263.428.767 đồng*(Hai trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi bảy đồng)*; Tiền lãi phạt quá hạn là 79.822.603 đồng*(Bảy mươi chín triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm linh ba đồng)*, lãi phạt chậm lãi 16.007.349 đồng*(Mười sáu triệu, không trăm không bảy nghìn, ba trăm bốn mươi chín đồng)*. Tổng cộng là 1.259.258.719 đồng*(Một tỷ, hai trăm năm mươi chín triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm mười chín đồng)*.

Ông Đ, bà H phải trả theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 1115662 ngày 18/07/2018 tiền gốc là 15.623.344 đồng*(Mười lăm triệu, sáu trăm hai mười ba nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng)*; Tiền lãi quá hạn là 2.850.492 đồng*(Hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn, bốn trăm chin mươi hai đồng)*. Tổng cộng là 18.473.836 đồng*(Mười tám triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng)*.

Trường hợp ông Đ, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thanh toán nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 91/18/TCDS ngày 02/03/2018 đối với Hợp đồng tín dụng số LD 1805800246 ngày 27/02/2018, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng từng lần số: 01/LD1805800246 ngày 27/02/2019 có giấy nhận nợ số: 01/LD1905300589 ngày 04/03/2019.

Trường hợp số tiền thu được từ bán tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Đ, bà H tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ngày 04/3/2019 ông Đ và vợ là bà Phạm Thị H có vay của Ngân hàng số tiền 900.000.000

đồng*(Chín trăm triệu đồng)*. Ngoài ra ngày 18/7/2018 vợ chồng ông được cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 50.000.000 đồng*(Năm mươi triệu đồng)*. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, do UBND huyện Đăk Song cấp ngày 30/6/2008 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H. Đến ngày 04/3/2020 thì vợ chồng ông phải trả 900.000.000 đồng tiền gốc và 117.388.619 đồng tiền lãi và dư nợ thẻ tín dụng 24.309.727 đồng. Nhưng do mất mùa, mất giá nông sản hiện tại không có khả năng trả nợ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

-Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H1 không có mặt tại tòa để giải quyết vụ án, không có lời khai hay văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền gốc theo hợp đồng tín dụng LD 1805800246 ngày 27/02/2018, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng từng lần số: 01/LD1805800246 ngày 27/02/2019, có giấy nhận nợ số: 01/LD1905300589 ngày 04/03/2019 là 900.000.000 đồng*(chín trăm triệu đồng)* và trả theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 1115662 ngày 18/07/2018 tiền gốc là 15.623.344 đồng*(Mười lăm triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng)* và lãi các loại tính đến ngày xét xử.

Trường hợp ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Nguyên đơn, Nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 91/18/TCDS ngày 02/03/2018, được công chứng tại Văn phòng công chứng Võ Thị Mỹ Ngọc ngày 02/3/2018, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đăk Song đối với toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AM653045 vào sổ cấp giấy chứng nhận số GCN:076486/HB, do UBND huyện Đăk Song, cấp ngày 30/6/2008, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H thửa đất số: 32, 39, tờ bản đồ số: 90; địa chỉ thửa đất: Đồi Kiền Kiền, xã Nâm N'Jang, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông; diện tích: 22.815m^2 ; mục đích sử dụng: đất nông nghiệp.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Nguyên đơn.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.

Về án phí: Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản sao hồ sơ tín dụng, hồ sơ pháp lý của Ngân hàng, hồ sơ khách hàng là các tài liệu do nguyên đơn cung cấp. Ngoài ra còn một số tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án như bản tự khai của nguyên đơn, biên bản lấy lời khai của bị đơn, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP SGTT khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H do vi phạm hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết vào năm 2018, 2019, mục đích vay để tiêu dùng phục vụ đời sống, chăm sóc cà phê. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" trong vụ án dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2]. Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H có địa chỉ tại Thôn 4, xã Nâm N'Jang, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Đăk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Các Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP SGTT với ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H được ký kết vào năm 2018, 2019. Đến hạn trả nợ ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H không trả được nợ theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện không vi phạm thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[1.4]. Về hình thức và nội dung của hợp đồng: Các Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản bổ sung.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn bà Phạm Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H1: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H1. Xác minh tại Công an xã Nâm N'Jang thể hiện ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H và các con Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 4, xã Nâm N'Jang, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Tuy nhiên chỉ có ông Nguyễn Văn Đ đến tòa án làm việc còn bà bà Phạm Thị H và các con Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H1 không đến tòa án làm việc mặc dù đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tòa án nhân dân huyện Đăk Song thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền. Ông Nguyễn Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bà bà Phạm Thị H và các con Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H1 vắng mặt lần 2. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 288 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung của 02 Hợp đồng tín dụng:

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 1115662 ngày 18/07/2018: Hạn mức cấp thẻ tín dụng 50.000.000 đồng; người vay nợ là bà Phạm Thị H Trong quá

trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà Phạm Thị H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 82.000.000 đồng; Thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền 82.635.000 đồng. Đến hạn thanh toán bà Phạm Thị H còn phải thanh toán số tiền 18.473.836 đồng(Trong đó tiền gốc: 15.623.344 đồng, lãi quá hạn: 2.850.492 đồng).

Theo Hợp đồng tín dụng số LD 1805800246 ngày 27/02/2018 có giấy nhận nợ số: 01/LD1905300589 ngày 04/03/2019; số tiền vay: 900.000.000 đồng; lãi suất 11,5%/ năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; lãi phạt lãi quá hạn 10%/năm; thời hạn vay: 12 tháng; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 04/3/2020, người vay nợ là ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H.

Theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Nguyên đơn và bị đơn Hội đồng xét xử, xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP SGTT và bên vay là ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay… đúng theo quy đinh tại khoản 2 Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn không trả được nợ theo thỏa thuận, không trả đầy đủ tiền lãi cho Nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số: 1115662 ngày 18/07/2018: Hạn mức cấp thẻ tín dụng 50.000.000 đồng mặc dù là bà Phạm Thị H vợ là người đứng tên thẻ tín dụng nhưng tại bản tự khai ông Nguyễn Văn Đ thừa nhận vợ chồng ông có đề nghị cấp thể tín dụng, nên nghĩa vụ vợ chồng phải liên đới trả nợ chung. Tính đến ngày xét xử 17/9/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền của hai hợp đồng là 1.277.732.555 đồng*(Một tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng)*(Có bảng tính lãi chi tiết kèm theo) trong đó:

+ Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H phải trả theo Hợp đồng tín dụng số LD 1805800246 ngày 27/02/2018 có giấy nhận nợ số: 01/LD1905300589 ngày 04/03/2019 với số tiền gốc là 900.000.000 đồng; số ngày tiền lãi theo hợp đồng là 263.428.767 đồng; Tiền lãi phạt quá hạn là 79.822.603 đồng, lãi phạt chậm lãi 16.007.394 đồng. Tổng cộng là 1.259.258.719 đồng*(Một tỷ hai trăm năm mươi chín triệu hai trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm mười chín đồng)* và theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 1115662 ngày 18/07/2018 tổng số tiền là tiền gốc là 18.473.836 đồng*(Mười tám triệu bốn trăm bảy mươi ba đồng tám trăm ba mươi sáu đồng)*(trong đó: Tiền gốc: 15.623.344 đồng*(mười lăm triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng)* tiền lãi phạt quá hạn là 2.850.492 đồng*(Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn, bốn trăm chín hai đồng)*.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông) theo 02 Hợp đồng tín dụng số LD 1805800246 ngày 27/02/2018, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng từng lần số: 01/LD1805800246 ngày 27/02/2019, có giấy nhận nợ số: 01/LD1905300589 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 1115662 ngày 18/07/2018. Tổng số tiền là

1.277.732.555 đồng*(Một tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng)* (trong đó: nợ gốc là 915.623.344 đồng*(chín trăm mười lăm triệu sáu trăm hai ba nghìn ba trăm bốn mươi bốn nghìn)* tiền lãi theo hợp đồng là 263.428.767 đồng*(hai trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng)*, tiền lãi phạt quá hạn là 82.673.095 đồng*(Tám mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn không trăm chín mươi lăm đồng),* lãi chậm trả lãi: 16.007.349 đồng *(Mười sáu triệu không trăm không bảy nghìn ba trăm bốn chín đồng)*tạm tính tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/9/2021 là có căn cứ cần chấp nhận.

[5] Kể từ ngày 18/9/2021, ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số LD 1805800246 ngày 27/02/2018, thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng từng lần số: 01/LD1805800246 ngày 27/02/2019, có giấy nhận nợ số: 01/LD1905300589 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số 1115662 ngày 18/07/2018 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ trên.

Trường hợp số tiền thu được từ bán tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP SGTT.

[6]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm. Tại Hợp đồng thế chấp số 91/18/TCDS ngày 02/03/2018, được công chứng tại Văn phòng công chứng Võ Thị Mỹ Ngọc ngày 02/3/2018, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đăk Song theo đúng quy định đối với toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AM653045 vào sổ cấp giấy chứng nhận số GCN: 076486/HB, do UBND huyện Đăk Song, cấp ngày 30/6/2008, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H thửa đất số: 32, 39, tờ bản đồ số: 90; địa chỉ thửa đất: Đồi Kiền Kiền, xã Nâm N'Jang, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông; diện tích: 22.815m^2 ; mục đích sử dụng: đất nông nghiệp.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/7/2020 thể hiện: toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AM653045 vào sổ cấp giấy chứng nhận số GCN:076486/HB, do UBND huyện Đăk Song, cấp ngày 30/6/2008, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H; thửa đất số: 32, 39, tờ bản đồ số: 90; địa chỉ thửa đất: Đồi Kiền Kiền, xã Nâm N'Jang, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông; diện tích: 22.815m^2 trên đất có 01 căn nhà gỗ và cây lâu năm (không kiểm đếm, loại), hiện nay ông Đ, bà H đang trực tiếp quản lý sử dụng, diện tích đất được cấp phù hợp với diện tích đất thực tế.

Xét thấy việc ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H thế chấp tài sản trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, các thành viên trong hộ ông Đ, bà H có ủy quyền theo quy định. Các bên không có phản đối hay có ý kiến gì khác; các điều khoản trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực kể từ ngày ký kết, đăng ký; trong đó có điều khoản: Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan chức năng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi dư nợ của bên thế chấp. Như vậy, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng là đúng pháp luật vì vậy trường hợp ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi

cho Nguyên đơn thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp cần chấp nhận.

[8]. Về chi phí tố tung: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 3.000.000 đồng theo quy định tại Điều 155 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngân hàng đã tạm ứng chi phí trên nên ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H có trách nhiệm thanh toán lại số tiền 3.000.000 đồng cho Ngân hàng.

[9]. Án phí dân sự: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Vì vậy, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch đối với số tiền 1.277.732.555 đồng *(Một tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng)* = 36.000.000 đồng + (03% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng(477.732.555 đồng x 3%) = 50.331.976 đồng*(Năm mươi triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng)*làm tròn}) án phí dân sự tương ứng với phần yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/1/2016.

Hoàn trả Ngân hàng số tiền 21.689.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn)* tạm ứng án phí mà Ngân hàng (đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Song theo biên lai số 0001758, ngày 26/6/2020.

[10]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 155; Điều 157; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 11, Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 Thông tư số: 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016; Điều 280; Điều 298; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 320; Điều 322; Điều 323; Điều 385; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168 Luật đất đai.

Áp dụng khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP SGTT đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP SGTT (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông). Tổng số tiền gốc và lãi của các Hợp đồng tín dụng đã ký kết tổng số tiền là 1.277.732.555 đồng*(Một tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng)* (trong đó: nợ gốc là 915.623.344 đồng*(chín trăm mười lăm triệu sáu trăm hai ba nghìn ba trăm bốn mươi bốn nghìn)* tiền lãi theo hợp đồng là 263.428.767 đồng*(hai trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng)*, tiền lãi phạt quá hạn là 82.673.095 đồng*(Tám mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn không trăm chín mươi lăm đồng),* lãi chậm trả lãi: 16.007.349 đồng *(Mười sáu triệu không trăm không bảy nghìn ba trăm bốn chín đồng)* tạm tính tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/9/2021(có bảng lãi kèm theo).

Buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thi hành xong các khoản nợ trên.

Trường hợp ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Nguyên đơn, Nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 91/18/TCDS ngày 02/03/2018, được công chứng tại Văn phòng công chứng Võ Thị Mỹ Ngọc ngày 02/3/2018, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đăk Song đối với toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AM653045 vào sổ cấp giấy chứng nhận số GCN:076486/HB, do UBND huyện Đăk Song, cấp ngày 30/6/2008, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị H thửa đất số: 32, 39, tờ bản đồ số: 90; địa chỉ thửa đất: Đồi Kiền Kiền, xã Nâm N'Jang, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông; diện tích: 22.815m^2 ; mục đích sử dụng: đất nông nghiệp.

Trường hợp số tiền thu được từ bán tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Nguyên đơn.

2. Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 3.000.000 đồng*(Ba triệu đồng)*. Ngân hàng TMCP SGTT đã tạm ứng chi phí trên nên ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H có trách nhiệm thanh toán lại số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* cho Ngân hàng TMCP SGTT.

3. Án phí dân sự: Buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Phạm Thị H phải chịu số tiền 50.331.976 đồng*(Năm mươi triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng)*làm tròn}) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng số tiền 21.689.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn)* tạm ứng án phí mà Ngân hàng (đại diện nhận tiền là Ngân hàng TMCP SGTT – Chi nhánh Đắk Nông) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Song theo biên lai số 0001758, ngày 26/6/2020.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ kiên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan

đến quyền lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đươc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Huệ